



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03-04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-28

04
ÔN
TN
M
VIỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200464415, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 04 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 21.847.900.000 VND và tại thời điểm 31/12/2024 là 21.545.900.000 VND.

Trụ sở chính: 35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Chế biến và kinh doanh thủy sản các loại; Sản xuất và kinh doanh nước đá; Kinh doanh các loại vật tư, nhiên liệu phục vụ đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn và nhà hàng; Lắp đặt các công trình điện lạnh công nghiệp và dân dụng.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Tuyên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Thông	Thành viên
Bà Nguyễn Nhật Quỳnh Liên	Thành viên
Ông Trương Lên	Thành viên
Ông Võ Văn Sáu	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Huỳnh Văn Phúc	Trưởng ban
Ông Nguyễn Nhân	Thành viên
Ông Trần Văn Hước	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Nhật Quỳnh Liên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hà	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông Nguyễn Quang Tuyên	Chủ tịch
------------------------	----------

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2024 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố Báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Cafico Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGUYỄN QUANG TUYẾN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Cam Ranh, ngày 28 tháng 03 năm 2025



Số: 404/2025/BCKT-HCM.01531

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được lập vào ngày 28 tháng 03 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") từ trang 5 đến trang 28 kèm theo.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Cafico Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 22 tháng 03 năm 2024.



ĐẶNG THỊ MỸ VÂN

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số : 0173-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

HÀ QUẾ NGA

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số : 2801-2024-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.279.289.265	41.716.928.956
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.230.449.350	9.691.339.093
Tiền	111	5.1	7.230.449.350	9.691.339.093
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.000.000.000	11.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	7.000.000.000	11.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.134.251.609	4.535.191.143
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	3.005.549.568	4.324.747.833
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	60.696.135	15.104.400
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	68.005.906	195.338.910
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		13.376.018.483	16.025.054.972
Hàng tồn kho	141	5.6	13.376.018.483	16.025.054.972
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.538.569.823	465.343.748
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	80.802.000	107.548.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		879.313.922	286.767.052
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	578.453.901	71.028.696
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.224.607.712	6.464.023.483
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		5.184.214.695	4.792.792.483
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	5.184.214.695	4.792.792.483
- Nguyên giá	222		43.959.052.199	42.714.931.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.774.837.504)	(37.922.138.617)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		532.733.245	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	532.733.245	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.507.659.772	1.671.231.000
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.507.659.772	1.671.231.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		39.503.896.977	48.180.952.439

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		10.172.152.249	18.628.590.092
Nợ ngắn hạn	310		10.172.152.249	18.628.590.092
Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	5.10	1.047.698.933	6.517.016.239
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	-	5.043.974
Phải trả người lao động	314		2.027.136.986	3.497.988.838
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	98.735.409	408.936.353
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	4.132.200.301	7.080.997.881
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	1.779.773.813	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.086.606.807	1.118.606.807
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.331.744.728	29.552.362.347
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	29.331.744.728	29.552.362.347
Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.545.900.000	21.847.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.545.900.000	21.847.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		220.384.535	183.884.535
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	(265.500.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.635.239.317	7.635.239.317
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(69.779.124)	150.838.495
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		150.838.495	64.059.788
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(220.617.619)	86.778.707
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		39.503.896.977	48.180.952.439

LÊ THỊ THU HÀ

Người lập biểu/Kế toán trưởng

**NGUYỄN QUANG TUYẾN**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Cam Ranh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	89.054.552.903	106.466.125.186
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		89.054.552.903	106.466.125.186
Giá vốn hàng bán	11	6.2	82.322.253.954	89.837.008.973
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.732.298.949	16.629.116.213
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.878.318.604	1.823.787.357
Chi phí tài chính	22	6.4	615.261.302	996.046.810
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		285.621.684	502.845.027
Chi phí bán hàng	25	6.5	1.573.625.037	1.842.365.755
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	6.765.427.386	10.121.212.065
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(343.696.172)	5.493.278.940
Thu nhập khác	31	6.7	219.378.979	1.034.318.670
Chi phí khác	32	6.8	90.830.620	136.144.018
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		128.548.359	898.174.652
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(215.147.813)	6.391.453.592
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	5.469.806	1.304.674.885
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(220.617.619)	5.086.778.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	(102)	2.354

LÊ THỊ THU HÀ

Người lập biểu/Kế toán trưởng

**NGUYỄN QUANG TUYẾN**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Cam Ranh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	91.127.983.130	108.489.005.703
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(58.597.846.520)	(78.505.441.416)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.486.200.311)	(20.050.657.026)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(285.621.684)	(502.845.027)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(300.000.000)	(1.192.032.090)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.216.834.170	2.289.802.788
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(17.742.211.698)	(6.724.691.836)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.067.062.913)	3.803.141.096
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.776.854.344)	(109.919.276)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	213.865.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(5.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.000.000.000	1.792.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	606.677.596	532.792.635
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.829.823.252	(3.271.261.186)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(265.000.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	20.213.127.711	11.679.068.750
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(18.322.824.127)	(11.679.068.750)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.149.457.300)	(2.004.575.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.259.153.716)	(2.269.575.850)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(2.496.393.377)	(1.737.695.940)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.691.339.093	11.391.771.619
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	35.503.634	37.263.414
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	7.230.449.350	9.691.339.093

LÊ THỊ THU HÀ

Người lập biểu/Kế toán trưởng

**NGUYỄN QUANG TUYẾN**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Cam Ranh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Thành lập

Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200464415, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 04 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 21.847.900.000 VND và tại thời điểm 31/12/2024 là 21.545.900.000 VND.

Trụ sở chính: 35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh, thủy sản các loại, dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Chế biến và kinh doanh thủy sản các loại; Sản xuất và kinh doanh nước đá; Kinh doanh các loại vật tư, nhiên liệu phục vụ đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn và nhà hàng; Lắp đặt các công trình điện lạnh công nghiệp và dân dụng.

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh thủy sản.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2024: 152 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 155 nhân viên).

1.7 Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

1. Trung tâm Dịch vụ Thủy sản Đá Bạc - Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.

Địa chỉ: Cảng Đá Bạc, phường Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

2. Xí nghiệp thực phẩm - Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.

Địa chỉ: Phường Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

3. Xưởng Nước đá Ba Ngòi - Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.

Địa chỉ: 2437 Đại lộ Hùng Vương, phường Cam Lợi, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	10 - 24
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	16 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	6 - 9

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay) có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

4.12 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Việc phân phối lợi nhuận của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

4.15 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: tiền lãi và lãi chênh lệch tỷ giá.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho Công ty năm hiện hành như sau: Thuế suất 20%.

4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.20 Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền	7.230.449.350	9.691.339.093
Tiền mặt	43.135.521	86.319.911
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.187.313.829	9.605.019.182
	<u>7.230.449.350</u>	<u>9.691.339.093</u>

5.2 Các khoản đầu tư tài chính:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	4.000.000.000	4.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
	<u>7.000.000.000</u>	<u>7.000.000.000</u>	<u>11.000.000.000</u>	<u>11.000.000.000</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

		31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
5.3	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Các khách hàng khác		
	Gulf Foods Co.,LTD	2.401.753.915	-
	Sanpo Suisan Co., LTD	-	3.623.287.500
	Các khách hàng khác	603.795.653	701.460.333
		3.005.549.568	4.324.747.833
		31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
5.4	Trả trước cho người bán		
	Ngắn hạn		
	Công ty TNHH Điện Lạnh Miền Trung	39.480.000	-
	Công ty TNHH Năng lượng Đại Minh	11.716.000	-
	Công ty CP Du lịch và tiếp thị Giao thông Vận tải VN Vietravel	-	9.793.000
	Công ty TNHH thu phí tự động VETC	9.500.135	5.311.400
		60.696.135	15.104.400
5.5	Phải thu khác	31/12/2024	01/01/2024
		Giá trị	Giá trị
		VND	VND
		Dự phòng	Dự phòng
		VND	VND
	Ngắn hạn		
	Tạm ứng	46.000.000	-
	Ký quỹ	475.139	-
	Kinh phí công đoàn	-	-
	Bảo hiểm xã hội	-	-
	Phải thu khác	21.530.767	-
		68.005.906	195.338.910
5.6	Hàng tồn kho	31/12/2024	01/01/2024
		Giá trị	Giá trị
		VND	VND
		Dự phòng	Dự phòng
		VND	VND
	Nguyên liệu, vật liệu	7.017.750.184	-
	Công cụ, dụng cụ	137.772.455	-
	Chi phí SX, KD dở dang	1.489.604.651	-
	Thành phẩm	2.884.151.177	-
	Hàng gửi bán	1.846.740.016	-
		13.376.018.483	16.025.054.972

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***5.7 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	9.640.552.357	27.155.026.613	5.447.423.127	471.929.003	42.714.931.100
<i>Mua trong năm</i>	-	1.212.507.463	-	31.613.636	1.244.121.099
Số dư cuối năm	9.640.552.357	28.367.534.076	5.447.423.127	503.542.639	43.959.052.199
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8.404.789.647	24.695.230.253	4.474.083.377	348.035.340	37.922.138.617
<i>Khấu hao trong năm</i>	111.181.249	361.389.680	341.070.000	39.057.958	852.698.887
Số dư cuối năm	8.515.970.896	25.056.619.933	4.815.153.377	387.093.298	38.774.837.504
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.235.762.710	2.459.796.360	973.339.750	123.893.663	4.792.792.483
Số dư cuối năm	1.124.581.461	3.310.914.143	632.269.750	116.449.341	5.184.214.695

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 27.995.313.428 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
5.8 Xây dựng cơ bản dở dang		
Hệ thống điện năng lượng Mặt trời	532.733.245	-
	532.733.245	-
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
5.9 Chi phí trả trước		
Ngắn hạn	80.802.000	107.548.000
Các khoản khác	80.802.000	107.548.000
Dài hạn	1.507.659.772	1.671.231.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	545.722.818	783.217.000
Chi phí sửa chữa	592.121.229	218.422.000
Tài sản dài hạn khác	369.815.725	669.592.000
	1.588.461.772	1.778.779.000
5.10 Phải trả người bán	31/12/2024	01/01/2024
	Giá trị	Số có
	VND	khả năng
		trả nợ
		VND
		Giá trị
		VND
		Số có
		khả năng
		trả nợ
		VND
Ngắn hạn		
Các nhà cung cấp khác	1.047.698.933	1.047.698.933
Furniland Asia Group Limited	762.760.205	762.760.205
Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa	284.938.728	284.938.728
The Marine Foods Corporation	-	-
Công ty TNHH Thủy sản Tường Vi	-	-
Các nhà cung cấp khác	-	-
	1.047.698.933	1.047.698.933
	6.517.016.239	6.517.016.239
5.11 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước		
	01/01/2024	Số phải nộp
	VND	trong năm
		Số đã thực nộp
		trong năm
		VND
		31/12/2024
		VND
5.11.1 Phải nộp		
Thuế giá trị gia tăng	-	634.337.615
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.043.974	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	961.827.790
Các loại thuế khác	-	3.000.000
	5.043.974	1.599.165.405
	1.604.209.379	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
5.11.2 Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	71.028.696	461.272.112	679.211.097	288.967.681
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.469.806	294.956.026	289.486.220
	71.028.696	466.741.918	974.167.123	578.453.901
			31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
5.12 Chi phí phải trả				
Ngắn hạn				
Các khoản trích trước			98.735.409	408.936.353
			98.735.409	408.936.353
			31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
5.13 Phải trả khác				
Ngắn hạn				
Cổ tức, lợi nhuận phải trả			3.781.726.300	6.931.183.600
Công ty TNHH TMDV Minh Hằng CR			180.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác			170.474.001	149.814.281
			4.132.200.301	7.080.997.881
			31/12/2024	01/01/2024
5.14 Vay và nợ thuê tài chính	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương	1.779.773.813	1.779.773.813	-	-
Cộng	1.779.773.813	1.779.773.813	-	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam				
Hạn mức:	14.000.000.000 VND			
Mục đích:	Bổ sung vốn lưu động			
Lãi suất:	Theo từng lần giải ngân			
Thời hạn vay:	Đến hết ngày 03/12/2025.			
Tài sản đảm bảo:	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị là 4.000.000.000 VND			

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***5.15 Vốn chủ sở hữu****5.15.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	22.342.800.000	70.659.535	(381.675.000)	7.635.239.317	3.573.142.220	33.240.166.072
Lãi trong năm	-	-	-	-	5.086.778.707	5.086.778.707
Giảm vốn	(494.900.000)	113.225.000	381.675.000	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.508.182.062)	(8.508.182.062)
Tặng khác	-	-	(265.500.000)	-	-	(265.500.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(900.370)	(900.370)
Số dư cuối năm trước	21.847.900.000	183.884.535	(265.500.000)	7.635.239.317	150.838.495	29.552.362.347
Số dư đầu năm nay	21.847.900.000	183.884.535	(265.500.000)	7.635.239.317	150.838.495	29.552.362.347
Lãi trong năm	-	-	-	-	(220.617.619)	(220.617.619)
Giảm vốn	(302.000.000)	36.500.000	265.500.000	-	-	-
Số dư cuối năm nay	21.545.900.000	220.384.535	-	7.635.239.317	(69.779.124)	29.331.744.728

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
Ông Nguyễn Quang Tuyến	9,50%	2.046.000.000	2.046.000.000
Ông Võ Văn Sáu	12,89%	2.776.800.000	2.776.800.000
Bà Huỳnh Thị Diễm	7,54%	1.624.800.000	1.624.800.000
Các cổ đông khác	70,08%	15.098.300.000	15.098.300.000
Cổ phiếu quỹ	0,00%	-	302.000.000
	100%	21.545.900.000	21.847.900.000

5.15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	21.847.900.000	22.342.800.000
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>	(302.000.000)	(494.900.000)
<i>Vốn góp cuối năm</i>	21.545.900.000	21.847.900.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	8.508.182.062

5.15.4 Cổ phiếu	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.154.590	2.184.790
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.154.590	2.184.790
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.154.590	2.184.790
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	30.200
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	30.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.154.590	2.154.590
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.154.590	2.154.590
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

5.15.5 Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.635.239.317	7.635.239.317
	7.635.239.317	7.635.239.317

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
6.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Doanh thu		
	Doanh thu bán thành phẩm	89.054.552.903	106.466.125.186
		89.054.552.903	106.466.125.186
		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
6.2	Giá vốn hàng bán		
	Giá vốn bán thành phẩm	82.322.253.954	89.837.008.973
		82.322.253.954	89.837.008.973
		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
6.3	Doanh thu hoạt động tài chính		
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	606.678.635	532.793.672
	Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.233.663.340	1.253.334.120
	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	37.976.629	37.659.565
		1.878.318.604	1.823.787.357
		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
6.4	Chi phí tài chính		
	Lãi tiền vay	285.621.684	502.845.027
	Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	327.052.405	261.587.763
	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.587.213	231.614.020
		615.261.302	996.046.810
		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
6.5	Chi phí bán hàng		
	Chi phí vật liệu, bao bì	139.589.001	196.864.090
	Chi phí dụng cụ, đồ dùng	15.561.000	18.323.000
	Chi phí khấu hao TSCĐ	-	1.924.808
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	694.487.145	847.012.000
	Chi phí bằng tiền khác	723.987.891	778.241.857
		1.573.625.037	1.842.365.755

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	3.480.375.805	5.997.713.897
Chi phí vật liệu quản lý	97.763.761	74.618.300
Chi phí đồ dùng văn phòng	114.489.598	85.147.578
Chi phí khấu hao TSCĐ	388.521.838	381.473.544
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	5.675.673
Chi phí bằng tiền khác	2.681.276.384	3.576.583.073
	6.765.427.386	10.121.212.065
	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
6.7 Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	-	213.865.455
Doanh thu cho thuê tài sản gắn liền trên đất	201.900.000	613.472.728
Các khoản khác	17.478.979	206.980.487
	219.378.979	1.034.318.670
	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
6.8 Chi phí khác		
Chi phí phạt	-	1.715.203
Tiền thuê đất	41.501.279	44.390.300
Các khoản khác	49.329.341	90.038.515
	90.830.620	136.144.018
	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.738.891.039	66.592.792.392
Chi phí nhân công	21.325.253.052	23.685.363.577
Chi phí khấu hao tài sản cố định	852.698.885	893.597.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.339.386.692	5.267.131.203
Chi phí khác bằng tiền	8.814.418.760	7.269.668.152
	90.070.648.428	103.708.553.023

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(215.147.813)	6.391.453.592
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	242.496.843	131.920.831
Các khoản điều chỉnh tăng	278.000.477	279.020.197
Chi phí khấu hao vượt mức quy định	50.090.000	50.090.000
Phụ cấp thành viên Hội đồng Quản trị	180.000.000	165.000.000
Chi phí không được trừ khác	10.250.912	63.930.197
Lãi chênh lệch tỷ giá năm trước	37.659.565	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(35.503.634)	(147.099.366)
Lãi chênh lệch tỷ giá năm nay	(35.503.634)	(37.659.565)
Lỗ chênh lệch tỷ giá năm trước	-	(109.439.801)
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	27.349.030	6.523.374.423
Thu nhập chịu thuế 20%	27.349.030	6.523.374.423
4. Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.469.806	1.304.674.885
6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>5.469.806</u>	<u>1.304.674.885</u>
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
6.11 Lãi trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(220.617.619)	5.086.778.707
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(220.617.619)	5.086.778.707
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.154.590	2.160.534
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(102)	2.354
7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ		
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
7.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	20.213.127.711	11.679.068.750
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(18.322.824.127)	(11.679.068.750)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

35 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch với các bên liên quan và thành viên chủ chốt

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong năm Công ty cũng không phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và không có phát sinh giao dịch của các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng quản trị	222.000.000	213.000.000
Ban Tổng Giám đốc	1.148.000.000	1.583.300.000

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ và có số dư với các bên liên quan khác.

8.2 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chính là chế biến thủy sản và địa bàn kinh doanh chính ở thành phố Cam Ranh (tỉnh Khánh Hòa), doanh thu xuất khẩu thủy sản chiếm hơn 90% trên doanh thu, không có sự khác biệt trọng yếu về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận nên Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận.

8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2024) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8.4 Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

LÊ THỊ THU HÀ

Người lập biểu/Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG TUYẾN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Cam Ranh, ngày 28 tháng 03 năm 2025